

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2023

“V/v Tranh chấp về Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm

Ông Danh Út Nhỏ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28/4/2023 về việc “Tranh chấp về Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chang Kim L, sinh năm 1977.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Hiện tạm trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Lý Văn L1, sinh năm 1976.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 21/4/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Chang Kim L trình bày:

Vào năm 2000, bà kết hôn cùng với ông Lý Văn L1, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng do không am hiểu pháp luật nên vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh từ việc mất tiền của gia đình nên chồng bà không tin tưởng cho rằng bà lấy số tiền đó để đem về lo cho cha mẹ nên xem thường bà và cha mẹ, gia đình bên vợ. Từ đó, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc nên bà bỏ đi và vợ chồng sống ly thân khoảng 8 năm nay. Nay bà nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, vợ chồng bà không thể nào hàn gắn lại với nhau được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là Lý Chang Thảo M – sinh ngày 07/3/2001 và Lý Quốc V – sinh ngày 27/12/2007. Cháu M đã trưởng thành, có gia đình và sống riêng, còn cháu V hiện đang sống cùng ông L1.

Tài sản chung: Vợ chồng bà có tạo lập được một số đất đai, tài sản nhưng phần tài sản bà xác định vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lý Văn L1; Về con chung: Cháu M đã trưởng thành, có gia đình và sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu V hiện đang sống cùng ông L1 nên bà đồng ý giao con chung cho ông L1 tiếp tục nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận với nhau do đó không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; Nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 20/7/2023, Bị đơn ông Lý Văn L1 hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Chang Kim L về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng.

Ông L1 có trình bày thêm: “Theo tôi, mọi chuyện đi đến ngày hôm nay là do vợ hiểu lầm nên giận tôi và bỏ đi không chịu về nhà sống cùng tôi nên vợ chồng ly thân với nhau khoảng 8 năm nay. Sau khi vợ đi bản thân tôi cố gắng lo làm để trả nợ, xây nhà, mua thêm đất, chăm lo cho con, mọi sự cố gắng của tôi là để cho vợ thấy được tôi vì vợ vì con, vì cái gia đình chung của chúng tôi mà phấn đấu và chờ một ngày vợ quay trở về. Đối với tôi suốt đời tôi chỉ sống một vợ một chồng, tôi chỉ thương duy nhất một mình vợ tôi, lúc nào tôi cũng muốn vợ thông hiểu, tha thứ và vợ chồng hàn gắn lại để cùng nhau lo lắng cho con, tôi không muốn để cho các con thiếu thốn tình cảm của cha mẹ. Còn ly hôn là tôi nhất định không ly hôn”.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà L có 02 con chung là Lý Chang Thảo M – sinh ngày 07/3/2001 và Lý Quốc V – sinh ngày 27/12/2007. Cháu M đã trưởng thành, có gia đình và sống riêng, còn cháu V hiện đang sống cùng ông.

Tài sản chung: Vợ chồng ông có tạo lập được một số đất đai và tài sản nhưng phần tài sản ông xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Nợ chung: Không có.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân: Ông L1 không đồng ý ly hôn với bà L. Vì ông còn thương vợ thương con, ông muốn hàn gắn để vợ chồng cùng nhau nuôi con. Ông L1 yêu cầu Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông được đoàn tụ với nhau, để vợ chồng sum họp lại, cùng nhau lo tương lai cho con, để con được học hành đầy đủ.

Tại phiên tòa, sau khi nghe giải thích và sự cương quyết của bà L thì ông L1 đồng ý ly hôn; Về con chung: Cháu M đã trưởng thành, có gia đình và sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu V hiện đang sống cùng ông nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Chang Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với Lý Văn L1 được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

[2] Về hôn nhân: Bà Chang Kim L và Lý Văn L1 xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cho đến nay ông bà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông bà đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau nhưng do hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung nên theo Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Chang Kim L và Lý Văn L1 xác định vợ chồng ông bà có 02 con chung tên là: Lý Chang Thảo My – sinh ngày 07/3/2001 và Lý Quốc V – sinh ngày 27/12/2007.

Cháu M đã trưởng thành, lập gia đình và sống riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, còn cháu V đang sống cùng ông L1 nên bà L và ông L1 thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Lý Quốc V cho ông L1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu V cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với ông L1. Xét sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp theo nguyện vọng của cháu V và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Chang Kim L và ông Lý Văn L1 thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5]: Về nợ chung: Bà Chang Kim L và ông Lý Văn L1 thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6]: Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ bà Chang Kim L phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 131, khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Chang Kim L và ông Lý Văn L1 là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lý Quốc V – sinh ngày 27/12/2007 cho ông Lý Văn L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở bà L thực hiện quyền này.

Khi cần thiết ông, bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Bà Chang Kim L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà đã nộp tạm ứng án phí là theo biên lai thu số 0006808, ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Chang Kim L đã nộp xong số tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/8/2023.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập